TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YTH **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST
Ngày 20-7-2020
V/v: "Không công nhận quan hệ vợ chồng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YTH , TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Dương Đình Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Ngô Phiên, bà Nguyễn Thị Cương.

Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thị Thơ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện YTh .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YTh , tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Vi Văn Cảnh, Kiểm sát viên.

Ngày 20/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YTh , tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2020/TLST-HNGĐ ngày 09/3/2020 về việc: "*Không công nhận quan hệ vợ chồng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/6/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2020/QĐST- HNGĐ ngày 29/6/2020 giữa các đương sự:

***** *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1973, (Có mặt).

***** *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Th1, sinh năm 1967 (Vắng mặt).

Đều địa chỉ : Phố BB, thị trấn PhX , huyện YTh , tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai chị Nguyễn Thị H1 trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Th1 chung sống với nhau từ ngày 07/7/1992 nhưng không đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật, mà chỉ tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2019 xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân: Ngày 12/8/2018, Chị H1 đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan để kiếm tiền trả nợ và nuôi con nhưng anh Th1 ở nhà có quan hệ bất chính đối với người phụ nữ khác. Đến ngày 23/7/2019 Chị H1 biết sự việc trên nên anh Th1 và chị xảy ra mâu thuẫn. Nay tình cảm giữa chị và anh Th1 không còn chị đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Th1.

Về con chung: Anh chị có 02 người con chung là Nguyễn Văn Th2, sinh năm 1994 (Đã chết năm 2016) và Nguyễn Thị Thanh Th3, sinh năm 2001. Hiện nay cháu Th3 đã trưởng thành, hiện nay cháu Th3 đang ở cùng chị đi làm công ty nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Chị H1 không yêu cầu giải quyết.

Tại bản lấy lời khai của anh Nguyễn Văn Th1 trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H1 có được tự do tìm hiểu và được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào khoảng năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Anh Th1 cũng thừa nhận do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên Chị H1 đã phải đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan và đến tháng 7/2019 thì Chị H1 về nước. Tuy nhiên, từ khi Chị H1 về nước thì Chị H1 không sống chung cùng với anh nữa mà về bên ngoại sinh sống từ đó đến nay. Nay Chị H1 đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và Chị H1 thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung, tài sản và công nợ chung: Anh Th1 trình bày giống như lời trình bày của Chị H1 và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh đối với bà Lương Thị H2, công chức tư pháp hộ tịch thị trấn PhX , huyện YTh cho biết: Qua tra cứu sổ sách được lưu trữ tại Ủy ban nhân dân thị trấn PhX thì không có tài liệu nào xác định việc chị Nguyễn Thị H1 có đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Văn Th1.

Tại biên bản xác minh đối với ông Vũ Đức Th4, Tổ trưởng Phố BB, thị trấn PhX cho biết: Năm 1992, anh Nguyễn Văn Th1 có kết hôn với chị Nguyễn Thị H1 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương. Tuy nhiên, việc anh Th1 và Chị H1 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật hay không thì ông không nắm được. Anh Th1 và Chị H1 chung sống với nhau từ năm 1992 đến năm 2019 thì không thấy Chị H1 sống chung với anh Th1 tại địa phương nữa. Theo ông được biết thì Chị H1 đã chuyển về nhà mẹ đẻ sinh sống.

Tại phiên tòa Chị H1 trình bày: Chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị giữ nguyên quan điểm đã trình bày trong quá trình Tòa án tiến hành tố tụng.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự: Vắng mặt không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Áp dụng Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8; Điều 40 Luật hôn nhân gia đình năm 1986; Điều 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm c, mục 3 của Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10, ngày 09-6-2010 của Quốc hội; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14,ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử: Không công nhận chị Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Văn Th1 là vợ chồng. Án phí: Chị H1 phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về Tố tụng:

Bị đơn anh Nguyễn Văn Th1 có địa chỉ tại thị trấn PhX , huyện YTh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện YTh theo quy định tại khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị H1 đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Tòa án nhân dân huyện YTh căn cứ khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự không tiến hành hòa giải. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận cận, công khai chứng cứ giữa các đương sự, anh Th1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, anh Th1 vắng mặt không lí do, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn Th1.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị H1, anh Th1 chung sống với nhau từ khoảng năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương do vậy đây là hôn nhân không hợp pháp vi phạm điều 9 luật hôn nhân gia đình, quá trình chung sống tình cảm vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân Ngày 12/8/2018, Chị H1 đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan để kiếm tiền trả nợ và nuôi con nhưng anh Th1 ở nhà có quan hệ bất chính đối với người phụ nữ khác. Đến ngày 23/7/2019 Chị H1 biết sự việc trên, từ khi về xuất khẩu lao động về nước Chị H1 và anh Th1 sống ly thân cho đến nay. Nay Chị H1 yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị. Xét thấy Chị H1, anh Th1 quá trình chung sống đã xảy ra mâu thuẫn, không quan tâm chăm sóc đến nhau, anh, chị sống ly thân thời gian đã dài. Nay, Chị H1 yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Th1. Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ vào khoản 3, điểm c, nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Văn Th1.

[3]. Về con chung, tài sản, công nợ: Chị H1 và anh Th1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H1 phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 8, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 207; điểm b, khoản 2 điều 227; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 8; Điều 40 Luật hôn nhân gia đình năm 1986; Điều 131 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm c, mục 3 của Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10, ngày 09-6-2010 của Quốc hội; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14,ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Văn Th1.

2. Về tiền án phí: Chị Nguyễn Thị H1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Xác nhận Chị H1 đã nộp đủ số tiền trên tại biên lai số AA/2016/0002265 ngày 09/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện YTh .

3. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện YTh ;
- VKSND Tỉnh Bắc giang;
- Chi cục THADS huyện YTh ;
- UBND TT PhX;
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Cổng thông tin điện tử Tòa án tối cao

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Đình Hưng